T010 BD 1 (23) 156 Phật Báo Ân Q4-Kinh Đại Phương Tiện

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

SỐ 156 –KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN, quyển 4 1

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN QUYỂN 4 Phẩm 6: ÁC HỮU

Bấy giờ đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán. Khi ấy, Đức Như Lai vui vẻ mỉm cười, rồi từ trên trán phóng ra một vầng hào quang lớn tên là Đại bi gồm bốn màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, chiếu khắp mười phương, trên tới cõi trời Sắc cứu cánh, dưới đến mười tám cửa Địa ngục. Khi tia hào quang chiếu vào thân thể đau đớn, khổ não của Đề-bà-đạt-đa, thì lập tức Đề-bà-đạt-đa được yên vui bình thản. Lúc ấy đại chúng đồng thanh ca ngợi Đức Như Lai: –Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đức Thế Tôn thật là một Đấng Đại từ, Đại bi, đối với kẻ oán, người thân, tâm thường bình đẳng. Đề-bà-đạt-đa lúc nào cũng mang lòng thâm độc, toan hãm hại Như Lai, vậy mà Đức Thế Tôn không những đã chẳng lo sợ, oán giận, mà còn rủ lòng thương

xót, phóng hào quang Đại bi, chiếu vào Đề-bàđạt-đa khiến được yên vui bình thản. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo đại chúng: –Không phải chỉ ở kiếp này Đề-bà-đạt-đa thường mang lòng hại Ta, mà trong kiếp quá khứ xa xưa, Đề-bà-đạt-đa cũng thường muốn hại Ta, nhưng Ta cũng đều lấy lòng Từ bi mà tha thứ và cứu độ cho. Tôn giả A-nan nhận thấy tâm ý của đại chúng đều có chỗ nghi ngờ, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật: –Bạch Đức Thế Tôn, trong kiếp quá khứ Đềbà-đạt-đa thường mang lòng hại Phật, việc đó như thế nào? Phật bảo Tôn giả A-nan: –Ông hãy nghe cho kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói rõ về việc đó. Ở thời quá khứ, cách đây vô lượng vô số ngàn năm, có một nước gọi là Bala-nại. Trong nước ấy có một vị Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật Tỳ-bà-thi ở

đời giáo hóa được mười ngàn năm. Sau khi nhập diệt, chánh pháp của Ngài lưu truyền được mười hai ngàn năm, thì bắt đầu sang thời kỳ tượng pháp. Sau thời kỳ tượng pháp, nước Ba-la-nại có ông vua tên là Ma-ha-la-xà. Vua rất thông minh và nhân đức, lấy chánh pháp trị nước, không bức bách muôn dân. Vua làm bá chủ sáu mươi nước nhỏ, tám trăm thôn ấp; có năm trăm voi trắng và hai vạn phu nhân, nhưng không có con. Vua Ma-ha-la-xà mới làm lễ cầu đảo nơi các vị thần sông ngòi, núi rừng và cây cối để mong có con nối nghiệp. Cứ như thế ròng rã trong mười hai năm, thì hai bà phu nhân đệ nhất và đệ nhị đều mang thai. Được tin ấy, vua hết sức vui mừng, rồi tự tay chăm sóc các thức ăn uống, giường mùng cho hai vị phu nhân kia luôn được như ý. Sau mười tháng, phu nhân đệ nhất sinh ra thái tử, thân hình đầy đặn, tướng mạo khôi ngô và sắc diện đoan trang. Phu nhân đệ nhị cũng sinh được một trai. Vua thấy sung sướng vô cùng, liền triệu tập các quan văn, võ, các nhà tướng số và các thầy Bà-la-môn để xem tướng và đặt tên cho hai thái tử.

Thầy tướng hỏi: –Khi sinh thái tử, có điềm gì khác lạ không? Vua đáp: –Bà mẹ của thái tử thứ nhất xưa nay tánh tình vốn xấu xa hay giận dữ, ghen ghét, tự kiêu, tự đại, nhưng từ khi sinh thái tử thì tánh tình khác hẳn: hòa nhã, vui vẻ, rộng lượng, khiêm tốn và lúc nào cũng tươi cười; gặp ai cũng dùng lời từ tốn thăm hỏi và thương yêu mọi người như mẹ thương con. Thầy tướng nói: –Đó là do phúc đức của đứa trẻ này khiến cho cha mẹ thay đổi như thế. Vậy nên đặt tên là thái tử Thiện Hữu. Thầy tướng lại hỏi: –Thế còn phu nhân đệ nhị khi sinh thái tử cũng có những điềm khác lạ chăng? Vua đáp: –Phu nhân đệ nhị xưa nay tánh tình vốn hiền hậu, vui vẻ, nói năng dịu dàng, ai cũng quý mến, nhưng từ khi mang thai thì tánh nết đột nhiên thay đổi: cáu kỉnh, oán hờn, ghen tỵ và hay chửi mắng. Thầy tướng nói:

–Đó là do nghiệp báo của đứa trẻ này khiến cho bà mẹ thay đổi như thế. Vậy nên đặt tên là thái tử Ác Hữu. Từ đó hai thái tử dần dần khôn lớn. Đến năm mười bốn tuổi thì thái tử Thiện Hữu tỏ ra rất thông minh và nhân từ, hay bố thí cho những người nghèo khó, nên cha mẹ rất thương yêu, quý chuộng. Còn thái tử Ác Hữu thì tánh khí hung bạo, cha mẹ thường ít ưa chuộng, không muốn nhìn mặt, nên Ác Hữu mang lòng ganh ghét với anh, hay gây sự bất hòa, sinh tâm hờn giận và chỉ muốn làm hại anh. Một hôm, thái tử Thiện Hữu cùng với đoàn người tùy tùng ra ngoài thành du ngoạn. Thái tử thấy người cầy ruộng, lưỡi cầy đưa đến đâu thì côn trùng dưới đất chạy ra và lập tức bị những chim chóc mổ ăn. Thái tử thấy thế, bùi ngùi thương xót và vốn sinh trưởng trong thâm cung chưa hề thấy việc ấy, nên mới hỏi người tùy tùng: –Tại sao những con vật lại giết hại lẫn nhau vậy? Và tại sao người kia phải làm việc vất vả như thế? Người hầu cận đáp:

–Sở dĩ thái tử có đất nước là nhờ ở muôn dân; muôn dân có là nhờ nơi sự ăn uống, sở dĩ có cái để ăn uống là nhờ ở sự cầy cấy, trồng trọt các thứ thóc lúa để nuôi sống con người. Nghe xong, thái tử trầm ngâm suy nghĩ và nói: –Khổ thay! Khổ thay! Đi được một khoảng đường nữa, lại thấy một đám người, cả đàn ông lẫn đàn bà đang dệt vải, mồ hôi nhễ nhại, trông có vẻ mệt nhọc, thái tử lại hỏi: –Những người kia làm gì thế? Tùy tùng thưa: –Thưa thái tử, họ đang dệt vải để may quần áo cho mọi người che đậy thân thể và ngừa sự rét mướt. Thái tử tự nghĩ: "Vì miếng cơm ăn, manh áo mặc mà con người phải vất vả như vậy". Đi thêm một quãng nữa, lại thấy người ta đang lột da những con trâu, con ngựa và chọc tiết heo, dê, thái tử liền hỏi: –Đám người kia đang làm gì mà lại xâu xé những con vật như thế? Tùy tùng trả lời:

–Họ là những người đồ tể, giết súc vật bán thịt để mưu sinh. Nghe xong, thái tử có vẻ kinh sợ và nói: –Lạ thay, sao người ta có thể bất nhẫn như thế được, cậy mạnh hiếp yếu, sát sinh để mưu sinh mà gây oan trái rồi đền trả nhau trong bao nhiêu kiếp. Đi tiếp một quãng đường nữa, lại gặp một đám người bẫy chim, bắt cá, hà hiếp kẻ vô cớ, người khỏe bắt nạt kẻ yếu, thái tử lại hỏi: –Những người kia làm gì vậy? –Thưa thái tử, họ đang bẫy chim, bắt cá để đổi lấy miếng cơm ăn manh áo mặc. Nghe xong, thái tử buồn rầu, rơi lệ, thương cho chúng sinh ở đời toàn tạo những nghiệp ác, để rồi phải chịu những quả khổ vô cùng. Thái tử thấy thế, lòng thương cảm không nguôi, liền sai xe quay trở về cung điện. Về cung, vua cha thấy thái tử có vẻ ưu tư, sầu khổ, mới hỏi

nguyên do. Thái tử liền đem hết những việc đã được mục kích trong khi du ngoạn ngoài thành, thuật lại cho vua cha nghe. Vua nói: –Đó là những việc tự nhiên, không thể tránh

được vậy con không nên buồn rầu, hại cho sức khỏe. Thái tử nói: –Nay con muốn xin Phụ vương một việc, Phụ vương có vui lòng cho con không? Vua nói: –Ta chỉ có con là người con duy nhất, ta rất yêu quý, vậy ý con muốn điều gì cứ nói, ta sẽ cho con được toại nguyện. Thái tử thưa: –Con muốn xin tất cả những kho tàng của cải và lương thực của phụ vương để bố thí cho tất cả mọi người. Vua trả lời: –Tùy ý con muốn, cha không hối tiếc. Bấy giờ, thái tử Thiện Hữu mới sai quan giữ kho mở các cửa kho và dùng năm trăm con voi lớn chở các thứ của báu ra bốn cửa thành truyền cho dân chúng khắp trong nước ai cần thức ăn, áo mặc và của cải, cứ tự ý đến lấy. Lúc ấy danh tiếng của thái tử lừng lẫy tám phương. Dân chúng khắp nơi kéo đến và chỉ trong một thời gian ngắn đã hết hai phần ba của cải trong các kho tàng. Viên quan coi kho liền vào tâu vua:

–Tâu Bệ hạ, thái tử đã cho hết hai phần ba của cải trong các kho, xin Bệ hạ hãy nghĩ lại. Vua nói: –Không nên làm trái ý thái tử. Một lúc sau, các quan họp nhau để bàn bạc và cho rằng: Sở dĩ quốc gia được hưng thịnh là nhờ vào các kho tàng, nay kho tàng hết sạch của cải, thì quốc gia phải lâm nguy. Bàn xong, các quan lại vào tâu vua: –Tâu Bệ hạ, thái tử đã dùng hết hai phần ba của cải trong kho tàng, xin Bệ hạ can ngăn thái tử. Vua trả lời: –Trẫm không muốn làm trái ý con mình, vậy các khanh hãy từ từ tìm cách can ngăn thái tử. Hôm sau, thái tử Thiện Hữu vào kho thì không thấy quan giữ kho đến mà cửa kho thì khóa chặt. Thái tử sai người đi mời quan giữ kho, nhưng không gặp. Thái tử tỏ vẻ bực mình: –Sao viên quan coi kho lại dám làm trái ý ta? Hay phụ vương ta đã ra lệnh như vậy? Nói xong, thái tử sực tỉnh, liền tự nghĩ: “Người con hiếu thảo, không nên phá tán của cải của cha mẹ, ta hãy tự tìm lấy của báu để bố thí

chúng sinh. Nếu ta không thể cấp dưỡng đầy đủ thức ăn, áo mặc cho tất cả chúng sinh được như ý, thì sao có thể gọi là con của một vị Đại vương?” Nghĩ như thế rồi, thái tử liền triệu tập các quan văn võ để thảo luận. thái tử hỏi: –Người ta làm nghề gì thì kiếm được nhiều của nhất? Vị đại thần thứ nhất thưa: –Ở đời, muốn giàu có trước hết phải cày cấy trồng trọt, vì mất ít vốn mà lại được nhiều lời. Vị đại thần khác lại nói: –Cái nghề đưa lại nhiều lợi tức nhất là nghề chăn nuôi, là vì súc vật sinh nở rất mau. Một vị đại thần nữa nói: –Ai muốn trở nên đại phú thì phải xuống biển tìm các thứ bảo vật. Nếu được viên ngọc báu Ma-ni thì tha hồ cấp dưỡng cho tất cả chúng sinh, khiến đều được đầy đủ như ý muốn. Thái tử Thiện Hữu nói: –Duy có cách ấy là hợp ý ta nhất. Lập tức thái tử cho các quan giải tán rồi vào cung tâu với vua cha: –Nay con muốn xuống biển tìm các thứ châu

báu, xin phụ vương chấp thuận. Nghe lời nói ấy, như sét đánh bên tai, nhà vua nghẹn ngào nói với thái tử: –Giang sơn đất nước này và kho tàng của báu kia đều thuộc quyền sở hữu của con, tùy ý con sử dụng, hà tất phải xuống biển tìm châu báu? Con vốn sinh trưởng trong thâm cung, sống trên nhung lụa, nay phải dãi dầu sương gió, đói khát nóng lạnh, lấy ai săn sóc. Hơn nữa, giữa biển cả mênh mông, bao nhiêu tai nạn, nào ác quỷ, độc long, sóng dồn gió dập, nước xoáy đá ngầm, cá kình cá mập, ngàn vạn người

ra đi chỉ một vài người đến đích. Nay con lại xin xuống biển thì việc ấy cha không thể cho được. Lúc ấy, thái tử Thiện Hữu liền phủ phục xuống đất tâu với vua cha: –Nếu cha mẹ không cho con được xuống biển tìm châu báu thì con sẽ bỏ mạng nơi đây chứ trọn không đứng dậy. Bấy giờ, nhà vua và phu nhân thấy như thế, thì chỉ đưa mắt nhìn nhau mà không nói nên lời. Một lúc sau mới khuyên giải thái tử: –Con hãy dậy ăn uống đi. Thái tử nói:

–Nếu cha mẹ không cho con được toại nguyện, con nhất định sẽ nhịn đói đến chết. Vua cha và các phu nhân đều âu sầu khổ não, khóc lóc thảm thương, cứ như thế đến trọn một ngày mà thái tử cũng không ăn uống. Rồi hai ngày, ba ngày cho tới sáu ngày trôi qua, thái tử cũng không hề lay chuyển. Cha mẹ lo sợ quá nên đến ngày thứ bảy mới vỗ về, khuyên nhủ thái tử: –Con hãy dậy ăn uống đi! Cái thân này nhờ có ăn uống mới sống được, nếu không ăn uống thì tất phải chết. Thái tử nói: –Nếu cha mẹ nhất định không cho con xuống biển tìm châu báu thì con sẽ chết tại đây, không bao giờ đứng dậy. Bấy giờ, phu nhân đệ nhất tâu vua: –Con nó đã quyết chí như thế thì khó có thể lay chuyển được. Ta nỡ nào nhìn con bỏ mạng nơi đây? Vậy xin Bệ hạ rủ lòng thương mà cho con xuống biển may ra còn hy vọng phần nào trong muôn một, chứ nếu không cho thì chắc chắn con nó sẽ chết ngay thôi. Nhà vua thấy không thể nào ngăn cản nổi,

nên đành phải bằng lòng. Thái tử Thiện Hữu bèn đứng dậy, vui mừng, lễ chân phụ vương. Các cung phi, thể nữ và trăm ngàn người xung quanh đều hỏi nhau: –Thái tử còn sống hay chết? Vua trả lời: –Hôm nay thái tử đã trở dậy, vui vẻ và ăn uống như thường. Vua hỏi thái tử: –Mục đích con muốn xuống biển để tìm của báu gì? Thái tử trả lời: –Tâu Phụ vương, con muốn tìm cho được viên ngọc báu Ma-ni để cấp dưỡng cho tất cả chúng sinh, khiến không còn thiếu thốn. Bấy giờ nhà vua mới truyền lệnh khắp trong nước: –Thái tử Thiện Hữu muốn xuống biển tìm ngọc báu Ma-ni, nếu ai chịu đi với thái tử thì khi trở về, ta sẽ ban cho của cải dùng trong bảy đời không phải thiếu thốn. Ta sẽ sắm đầy đủ thuyền bè và cung cấp lương thực đi đường. Khi nghe lệnh ấy, năm trăm người vui mừng tụ họp, rồi đến tâu vua:

–Muôn tâu Bệ hạ, chúng tôi xin tình nguyện đi theo thái tử. Thời ấy ở nước Ba-la-nại, có một nhà hàng hải rất thông thạo các đường biển, nhưng đã tám mươi tuổi, nên mắt mờ kém. Vua nước Ba-la-nại tìm đến tận nơi nói với nhà hàng hải: –Trẫm chỉ có một người con, từ xưa chưa hề đi đâu, mà nay lại muốn xuống biển tìm ngọc báu, nên trẫm đến cảm phiền khanh cùng đi để hướng dẫn con trẫm. Nghe vua nói như thế, nhà hàng hải quá xúc động, cất tiếng khóc, rồi tâu vua: –Tâu Bệ hạ, giữa biển cả mênh mông, tất gặp rất nhiều gian khổ nguy hiểm, muôn ngàn người ra đi mà chỉ có một vài người đến đích, tại sao Bệ hạ lại để cho thái tử dấn thân vào con đường hiểm nghèo như vậy? Vua nói: –Thái tử quyết chí xin đi, trẫm đã nhiều ngày khuyên giải mà thái tử không nghe. Cho nên, vì quá thương con mà trẫm không dám làm trái ý thái tử. Nghe xong, nhà hàng hải tuân theo mệnh lệnh của vua để cùng đi với thái tử.

Bấy giờ, thái tử Thiện Hữu chuẩn bị hành trang đầy đủ cho năm trăm người, rồi sai đám hầu cận chở ra bãi biển. Lúc đó, em thái tử là Ác Hữu tự nghĩ: “Xưa nay cha mẹ thường yêu quý Thiện Hữu hơn ta, nay Thiện Hữu lại đi ra biển tìm ngọc báu, nếu ngày

kia ngọc được đem về, chắc chắn cha mẹ càng yêu quý Thiện Hữu hơn nữa mà ghét bỏ ta.” Nghĩ như thế rồi, thái tử Ác Hữu liền đến xin vua cha, cho phép cùng đi với Thiện Hữu xuống biển tìm châu. Vua nói: –Tùy ý con. Giữa đường nếu gặp tai nạn thì anh em phải che chở cho nhau. Lúc tới biển, thái tử Thiện Hữu dùng bảy cái neo, neo thuyền lại bảy ngày trước khi ra khơi. Mỗi buổi sáng, khi mặt trời vừa mọc, thái tử Thiện Hữu đánh một hồi trống nêu rõ: –Tất cả mọi người, ai muốn xuống biển thì cứ mặc nhiên, nếu ai còn quyến luyến cha mẹ, vợ con, anh em và các thú vui ở đời, thì hãy trở về chứ đừng vì tôi mà đi theo. Tại sao vậy? Vì giữa biển cả mênh mông, có nhiều tai nạn, trong muôn ngàn người đi thì chỉ một vài người đến đích. Trong khi tuyên bố như vậy, nếu tất cả mọi

người đều giữ im lặng, thì nhổ một chiếc neo gác lên mạn thuyền. Ngày nào cũng làm như thế, cho đến ngày thứ bảy thì tất cả bảy chiếc neo đều được nhổ lên và bắt đầu giương buồm cho thuyền ra khơi. Nhờ phúc đức và lòng Từ bi của thái tử nên mọi người đã vượt qua biển cả mà đến được núi Trân bảo, bình an vô sự. Đến nơi, thái tử Thiện Hữu liền gióng một hồi trống rồi nói với mọi người: –Các vị nên biết, đường sá xa xăm, nay đã đến nơi, vậy các vị phải mau mau thu lượm lấy của báu mà trở về, càng sớm càng hay. Nhưng của báu ở đây rất nặng và quý giá, ở cõi Diêmphù-đề không có vật gì sánh kịp, vậy các vị đừng có tham lam chở nhiều, sợ nặng quá khiến thuyền đắm giữa dòng, không về đến nơi thì thật là uổng công khó nhọc. Dặn dò xong xuôi, thái tử cùng mọi người chia tay, nói: –Các vị cứ yên tâm trở về, ta còn đi nữa để tìm cho được ngọc báu Ma-ni. Bấy giờ, thái tử Thiện Hữu và nhà hàng hải hướng đạo tiến lên, đi được bảy ngày thì đến

một chỗ nước chỉ sâu tới đầu gối; lại đi bảy ngày nữa thì tới một chỗ nước sâu đến cổ; lại tiến thêm bảy ngày nữa, vượt qua một lớp phù sa thì đến một bãi biển, cát toàn bằng bạch ngân. Người hướng đạo hỏi: –Đất này bằng thứ gì? Thái tử đáp: –Đất này toàn bằng bạch ngân. Người hướng đạo lại nói: –Thái tử hãy nhìn xa ra bốn phía xem có dãy núi bạch ngân nào không? –Phía Đông nam có một dãy núi Bạch ngân xuất hiện. –Con đường này sẽ dẫn đến chân dãy núi ấy. Khi tới núi Bạch ngân rồi, người hướng đạo nói với thái tử: –Bây giờ ta nên đi đến vùng Kim sa. Nhưng lúc đó người hướng đạo cảm thấy mỏi mệt, kiệt sức, liền nói với thái tử: –Tôi thấy trong người yếu quá, chắc không bao lâu nữa tôi sẽ bỏ mạng nơi này. Vậy thái tử hãy hăng hái lên, từ đây về phía Đông chừng bảy ngày nữa, sẽ tới rặng Kim sơn, rồi từ Kim sơn đi bảy ngày nữa sẽ đến một nơi đất toàn

bằng hoa sen xanh thắm. Lại đi thêm bảy ngày nữa, đất ở nơi ấy thuần là hoa sen đỏ, hồng. Lại đi qua nơi này thì đến một cái thành Thất bảo, nền thành toàn bằng hoàng kim, lầu gác bằng bạch ngân, những tấm bình phong bằng ngọc san hô đỏ, xa cừ, mã não xen lẫn với nhau, những lưới châu ngọc giăng mắc phía trên, bảy lần hào lũy toàn bằng lưu ly. Đó là thành của Long vương Đại Hải. Trong tai bên trái của vị Long vương ấy có một viên ngọc báu Ma-ni Như ý. Thái tử nên đến mà xin. Nếu được viên ngọc ấy thì có thể làm cho khắp cõi Diêm-phùđề đầy đủ các thứ của báu, thức ăn, áo mặc, thuốc thang và ca nhạc vui tươi. Nói tóm lại, tất cả chúng sinh cần cái gì là tùy ý được thỏa

mãn, cho nên gọi là ngọc báu Như ý. Nếu thái tử có được viên ngọc ấy thì chắc chắn mọi nguyện ước sẽ thành tựu cứu giúp chúng sinh. Nói xong, người hướng đạo trút hơi thở cuối cùng. Bấy giờ, thái tử Thiện Hữu ôm lấy xác người hướng đạo khóc thương thảm thiết. Người hướng đạo chết đi, thái tử đã mất một người tin cậy. Sau khi phủ cát vàng mai táng cho nhà hàng hải, thái tử Thiện Hữu đi nhiễu bảy vòng, làm lễ

rồi từ biệt. Từ đấy, thái tử đi thẳng đến rặng Kim sơn, qua rặng Kim sơn thì thấy hoa sen màu xanh mọc khắp mặt đất. Dưới những bông sen, có nhiều rắn độc cũng màu xanh. Loại rắn đó có ba thứ độc hại: nó cắn cũng chết, chạm xát vào nó cũng chết, nó phun nọc độc cũng chết. Những con rắn độc này quấn lấy cuống bông sen, giương mắt le lưỡi nhìn thái tử. Lúc đó, thái tử Thiện Hữu liền nhập từ bi quán, rồi nhờ năng lực từ bi nên giẫm lên hoa sen lá sen mà đi thẳng tới cung điện Long vương, mà những rắn độc kia không hề cắn hại. Bốn bên cung điện của Long vương có bảy lớp hào lũy, trong các hào lũy ấy có rất nhiều rồng độc, mình quấn lấy nhau, giao đầu nhìn nhau mà giữ cửa thành. Khi thái tử Thiện Hữu đến ngoài cửa thành thì thấy toàn rồng độc. Thái tử liền vận dụng Từ tâm và tự nghĩ: “Nếu thân ta đây mà bị những con rồng độc kia sát hại, thì tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề đều sẽ mất lợi ích lớn”. Bấy giờ thái tử giơ tay phải lên, bảo những con rồng độc: –Các ngươi nên biết, ta nay vì tất cả chúng

sinh, muốn được yết kiến Long vương. Ngay lúc ấy, tất cả các rồng độc liền tránh ra mở đường cho thái tử đi qua. Thái tử đi hết bảy lớp thành hào lũy có rồng canh giữ như vậy thì đến dưới cửa thành. Ở đây, thái tử thấy hai ngọc nữ, phục sức bằng nhung tơ, yểu điệu thướt tha. Thái tử mới hỏi: –Các người là ai? Ngọc nữ trả lời: –Chúng tôi là những tỳ nữ của Long vương, có bổn phận giữ cửa thành ngoài. Đoạn thái tử tiến vào cửa giữa, lại thấy bốn người ngọc nữ phục sức toàn bằng tơ lụa màu bạc trắng. Thái tử hỏi: –Có phải các tiểu thư là cung phi của Long vương chăng? Ngọc nữ trả lời: –Không phải. Chúng tôi chỉ là tỳ nữ của Long vương, có phận sự canh gác cửa giữa thành. Thái tử lại vào cửa trong, thấy tám nàng ngọc nữ, phục sức toàn bằng tơ lụa màu hoàng kim. Thái tử hỏi: –Các tiểu thư là người thế nào?

Ngọc nữ trả lời: –Chúng tôi là tỳ nữ giữ cửa trong của Long vương. Thái tử nói: –Các tiểu thư hãy vì tôi vào báo cho Long vương Đại Hải biết là có thái tử Thiện Hữu, con vua nước Ba-la-nại, ở cõi Diêm-phù-đề muốn được yết kiến Long vương. Các ngọc nữ liền vào tâu Long vương. Long vương nghe xong lấy làm lạ, mới tự nghĩ: “Nếu không phải là con người có đầy đủ phước đức và thiện tâm thì không thể nào vượt qua được những khoảng đường xa xăm đầy nguy hiểm mà đến đây!”. Nghĩ như thế rồi, Long vương bèn ra tận cửa để đón rước thái tử Thiện Hữu vào cung. Cung điện của Long vương toàn bằng lưu ly, giường nằm, tòa ngồi làm bằng bảy báu, ánh sáng chói ngời, nhìn vào lóa mắt. Long vương mời thái tử Thiện Hữu ngồi, rồi cùng chuyện trò. Nhân đó, Thái tử thuyết pháp cho Long vương nghe, nói về công đức của sự bố thí, trì giới và phúc báo ở cõi người, cõi trời. Nghe xong, Long vương Đại Hải rất vui mừng, mới hỏi: –Thái tử đã vượt qua bao nhiêu trùng dương

đến đây, mục đích là muốn tìm vật gì? Thái tử nói: –Tâu đại vương, tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề chỉ vì miếng cơm ăn, manh áo mặc mà phải chịu khổ vô cùng. Nay tôi

không quản đường xa, vượt qua bao gian khổ và hiểm nghèo, đến đây mục đích chỉ để xin viên ngọc báu Như ý trong tai bên trái của đại vương mang về cấp dưỡng cho tất cả chúng sinh, khiến họ đều được ấm no, đầy đủ. Long vương nói: –Xin Thái tử hãy ở lại đây bảy ngày để tôi có dịp được cúng dường. Thái tử Thiện Hữu nhận lời mời của Long vương. Sau bảy ngày, Long vương đưa viên ngọc báu Ma-ni biếu Thái tử. Nhận ngọc rồi, Thái tử từ biệt Long vương để trở về cõi Diêmphù-đề. Lúc đó Long vương Đại Hải sai các Long thần tiễn Thái tử bay trên hư không mà đi, nên chẳng bao lâu đã đến bờ cõi Diêm-phù-đề. Khi tới nơi, thái tử Thiện Hữu gặp em là Ác Hữu, mừng rỡ hỏi han: –Những người đồng hành hiện nay ở đâu? Thái tử Ác Hữu đáp:

–Thưa anh, thuyền của chúng em bị đắm và tất cả mọi người đều chết, duy còn em, nhờ bám chặt lấy một tử thi dạt vào đây nên mới sống sót, của báu mất hết, không còn một vật gì. Thái tử Thiện Hữu nói: –Ở đời có của báu nào đáng quý trọng hơn cái thân ta? Của báu tuy mất nhưng em được sống sót, thế là quý lắm rồi. Thái tử Ác Hữu nói: –Không phải thế. Người ta chẳng thà chết trong cảnh giàu có còn hơn là sống trong cảnh nghèo khổ. Thiện Hữu nói: –Ai nói như vậy? Ác Hữu trả lời: –Em đã từng đến chỗ tha ma và được nghe ma quỷ nói như thế. Thái tử Thiện Hữu bản tánh thật thà, mới đem chuyện mình có được ngọc quý nói thực với Ác Hữu: –Tuy em mất hết của báu nhưng đừng có lo, anh đã được viên ngọc báu Ma-ni Như ý của Long vương đây rồi. Ác Hữu hỏi:

–Thế anh để ở đâu? Thiện Hữu trả lời: –Anh kết trong búi tóc. Nghe xong, Ác Hữu sinh lòng ganh ghét, lo buồn, áo não, liền tự nghĩ: “Xưa nay, cha mẹ ta thường thiên vị, thương yêu Thiện Hữu hơn ta, nay Thiện Hữu lại được ngọc báu Ma-ni đem về, thì chắc cha mẹ sẽ thương yêu gấp bội mà ghét bỏ ta như thấy gai gốc.” Nghĩ như thế rồi, Ác Hữu mới nói với anh: –Được viên ngọc ấy thì quý lắm. Giữa khoảng đường này, phải nên giữ gìn cẩn thận. Bấy giờ Thiện Hữu, giơ viên ngọc ở trong búi tóc ra, đưa cho Ác Hữu xem và dặn: –Khi nào em mệt mà ngủ thì anh canh giữ; nếu anh mà ngủ thì em phải trông chừng. Lúc Thiện Hữu ngủ, đến lượt Ác Hữu giữ ngọc thì Ác Hữu liền dùng hai thanh tre nhọn đâm vào mắt anh rồi cướp ngọc mà chạy. Bấy giờ, Thiện Hữu tri hô lên và gọi em bảo: –Ác Hữu! Ác Hữu! Kẻ cướp đến đâm vào mắt anh mà lấy ngọc. Nhưng không thấy Ác Hữu trả lời. Thiện Hữu càng lo sợ, buồn rầu và kêu lớn: “Có lẽ em

ta đã bị cướp giết mất rồi”. Tiếng kêu thảm thiết động đến quỷ thần. Lúc đó thần cây thương tình, đến báo cho Thiện Hữu biết: –Em nhân giả là Ác Hữu, chính là kẻ cướp đã đâm vào mắt ngươi để đoạt lấy viên ngọc mà đi rồi. Nay nhân giả còn gọi Ác Hữu làm gì cho tốn hơi mệt sức. Nghe thần cây nói thế, thái tử Thiện Hữu buồn bã nghẹn ngào, sầu đau khổ não. Nói về thái tử Ác Hữu, khi cướp được viên ngọc báu rồi, trở về bản quốc, ra mắt phụ vương, dâng viên ngọc quý, tâu: –Tâu phụ vương, con nhờ có phúc đức mà được sống sót, thái tử Thiện Hữu và những người đồng hành vì bạc phúc nên đã bỏ mạng ngoài khơi. Vua và các phu nhân nghe Ác Hữu nói như thế liền cất tiếng than khóc, vật vã buồn rầu đến nỗi ngất lăn ra đất. Đám hầu cận chung quanh lấy nước lạnh rửa mặt cho vua, hồi lâu mới tỉnh. Lúc đó vua và phu nhân hỏi Ác Hữu:

–Làm thế nào mà con có thể đem được viên ngọc này về? Nghe vua hỏi, Ác Hữu thấy lòng quặn đau,

đứt từng khúc ruột, không nói nên lời, bèn đem viên ngọc chôn ở trong vườn. Còn về phần thái tử Thiện Hữu, sau khi bị đâm vào hai mắt trở nên mù lòa, đi lại phải dò dẫm, không còn biết đường lối nữa. Đang lúc đau khổ, lại thêm đói khát, cầu sống cũng khó, mà mong chết cũng không được. Cứ thế lần mò đi mãi. Một ngày kia, đến nước của vua Lợi-sưbạt. Vua Lợi-sư-bạt trước đã hứa với vua nước Ba-la-nại sẽ gả con cho thái tử Thiện Hữu. Vua Lợi-sư-bạt dùng một người chăn bò tên là Lưu Thừa để chăn dắt một đàn bò gồm năm trăm con. Hôm ấy, vì quá mỏi mệt, lại không thấy lối đi, nên thái tử Thiện Hữu mới ngồi xuống giữa đường. Lúc đó, đàn bò giành nhau chạy tới, con đầu đàn liền đứng lại, án ngang Thiện Hữu khiến cho những con khác không thể giẫm phải. Sau khi đàn bò qua hết, con đầu đàn mới đi. Nhưng nó đi được vài bước thì quay đầu trở lại, rồi lấy lưỡi liếm vào hai mắt của thái tử để nhổ hai thanh tre nhọn ra. Bấy giờ, người chăn bò từ phía sau đi tới, thấy Thiện Hữu ngồi giữa đường, bèn hỏi: –Ông là ai?

Thiện Hữu tự nghĩ: “Nếu ta thuật lại tất cả các việc đã xảy ra, thì chắc chắn em ta sẽ bị khổ.” Nghĩ xong, liền trả lời người chăn bò: –Tôi là một kẻ mù lòa, đi ăn xin. Nhưng người chăn bò thấy kẻ ăn mày này có một tướng mạo khác thường, mới bảo: –Nhà tôi gần đây, mời ông hãy vào, tôi xin cấp dưỡng. Rồi người chăn bò đưa Thiện Hữu về nhà, sắp các thức ăn uống đầy đủ và dặn mọi người trong nhà: –Các người hãy săn sóc, hầu hạ người này cũng như săn sóc ta vậy. Cứ như thế, được hơn một tháng thì người nhà bắt đầu chán ngán và nói với nhau: “Nhà mình không được dư dật, làm thế nào có thể cung phụng người mù này mãi được.” Nghe những lời nói ấy, Thiện Hữu cảm thấy buồn bã, thao thức suốt đêm, đến sáng hôm sau, liền nói với người chủ nhà (người chăn bò): –Nay tôi muốn đi. Người chăn bò hỏi: –Có điều gì không được vừa ý mà ông muốn đi.

Thiện Hữu trả lời: –Không có điều gì cả, vì thực tình tôi không dám làm phiền ông mãi. Nếu ông có lòng thương tôi, xin ông làm ân cho tôi một cây đàn tranh, rồi đưa tôi đến một thành, ấp, hoặc thôn, xã nào có đông dân cư để tôi lần hồi kiếm ăn. Người chủ nhà đành phải theo ý muốn của Thiện Hữu và sau khi đã mua cho Thiện Hữu một cây đàn tranh, bèn dắt Thiện Hữu đến thành vua Lợi-sư-bạt, nơi đông dân chúng nhất, rồi trở về nhà. Thiện Hữu có tài gảy đàn tranh, âm thanh trầm bổng, du dương khiến cho ai nghe cũng phải say mê, ngây ngất. Do đó, tất cả mọi người kẻ ít người nhiều, gom góp để cung cấp cho Thiện Hữu đầy đủ cơm ăn áo mặc, không phải đói rách. Không những thế, Thiện Hữu lại còn dư dật để cấp dưỡng cho năm trăm hành khất trên khắp các nẻo đường trong thành vua Lợisư-bạt đều được no đủ. Nhà vua có một khoảnh vườn trái cây xanh tươi tốt, thường bị chim chóc phá tán. Người coi vườn mới bảo Thiện Hữu:

–Nếu ông vui lòng đuổi chim chóc cho tôi, tôi sẽ cấp dưỡng cho ông đầy đủ. –Tôi là người mù, làm sao đuổi chim chóc được? Người coi vườn nói: –Tôi đã có cách. Tôi sẽ buộc những chiếc khánh nhỏ vào lưới, rồi giăng lên ngọn cây, ông ngồi bên gốc cây, khi nào nghe tiếng chim kêu, thì ông chỉ việc giật những đầu dây là đủ. Thiện Hữu trả lời: –Như thế thì tôi có thể làm được. Rồi người coi vườn dắt Thiện Hữu đến ngồi bên gốc

cây, dặn dò xong thì đi. Trong khi ngồi rổi, Thiện Hữu lấy đàn dạo chơi cho khuây khỏa. Lúc đó công chúa con vua Lợi-sư-bạt cùng các thị tỳ vào vườn thưởng ngoạn. Nghe tiếng đàn văng vẳng, công chúa nhìn về phía gốc cây thì thấy một người mù. Công chúa đến nơi, hỏi: –Ông là ai? Thiện Hữu trả lời: –Tôi là một kẻ hành khất mù lòa. Công chúa nghe rồi, sinh lòng thương mến, không muốn xa lìa. Vua sai người ra tìm nhưng

công chúa nhất định không về, lại bảo thị tỳ: –Hãy về mang cơm ra đây cho ta. Người hầu đem cơm đến, công chúa cùng người mù ăn uống xong, rồi về tâu vua: –Xin phụ vương cho con được chung sống với người mù này, cho được mãn nguyện của con. Vua Lợi-sư-bạt nói: –Con là người điên hoặc bị ma ám hay sao mà lại đi sống chung với một người mù? Con không biết rằng trước đây cha mẹ đã hứa gả con cho thái tử Thiện Hữu, con vua nước Ba-la-nại sao? Hiện nay Thiện Hữu xuống biển tìm châu báu chưa về, mà con lại đòi làm vợ người mù là lẽ gì? Công chúa trả lời: –Mặc dầu thế, nhưng thà chết thì thôi, chứ con nhất định không thể xa lìa được. Nghe con nói một cách quả quyết như thế, nhà vua cũng không muốn làm trái ý con, đành phải sai kẻ hầu đưa người mù về một căn phòng vắng vẻ rồi đóng cửa lại. Lúc đó, công chúa mới đến chỗ người mù, nói: –Chàng biết không, nay thiếp muốn cùng

chàng kết nghĩa vợ chồng!

Thiện Hữu nói:

–Nàng là con gái nhà ai mà muốn cùng tôi kết duyên chồng vợ?

Công chúa trả lời:

–Thiếp là con vua Lợi-sư-bạt.

Thiện Hữu nói:

–Nàng là công chúa con vua mà tôi chỉ là một kẻ hành khất mù lòa, làm sao ăn ở với nhau được?

Công chúa trả lời:

–Thiếp sẽ hết lòng cung kính và phụng dưỡng chàng, không dám trái ý.

Sau khi sống chung với nhau được ba tháng, một hôm, công chúa có việc cần phải đi mà không cho chồng biết, mãi đến chiều mới về.

Khi đến nhà, Thiện Hữu trách:

–Nàng lén lút ra ngoài mà không cho tôi biết.

Đi mãi đến giờ mới về!

Công chúa trả lời:

–Thiếp không lén lút.

Thiện Hữu nói:

–Lén lút hay không, ai mà biết được.

Công chúa buồn rầu, khóc lóc sướt mướt,

mới thề rằng: –Nếu thiếp có hành động lén lút thật, thì xin cho hai mắt chàng cứ mù như thế mãi, bằng không thì xin cho một mắt của chàng trở lại sáng tỏ như xưa. Vừa thề nguyện xong, thì một mắt của Thiện Hữu bỗng chớp chớp rồi mở bừng như xưa,

xanh biếc, sáng quắc, như một vì sao lấp lánh giữa khoảng trời xanh. Bấy giờ, được thấy công chúa, công chúa mới hỏi: –Thế nào, chàng có tin thiếp không? Thiện Hữu mỉm cười, công chúa nói tiếp: –Chàng thật vô ân. Thiếp là con gái của một vị Đại vương, chàng chỉ là một người hèn hạ, thiếp đã hết lòng phụng sự mà chàng không tin thiếp. Thiện Hữu nói: –Nàng không biết tôi là ai? –Chàng là một người hành khất, chứ còn ai? Công chúa trả lời. –Không phải. Tôi là thái tử Thiện Hữu, con vua nước Ba-la-nại. Công chúa nói: –Chàng thật ngu si, điên rồ, sao chàng dám

nói như thế? Thái tử Thiện Hữu, con vua Ba-lanại xuống biển tìm châu báu chưa về, chàng dám nhận mình là Thiện Hữu, ăn nói càn dỡ thiếp không tin được. Thiện Hữu nói: –Tôi từ thuở nhỏ đến giờ, chưa từng nói dối. Công chúa nói: –Dù thật hay dối, ai mà tin được. Thiện Hữu nói: –Nếu tôi nói dối nàng thì một mắt còn lại của tôi cứ mù mãi mãi, còn nếu tôi nói thật thì khiến cho mắt đó bình phục như trước. Nàng hãy chứng kiến lời nói của tôi. Vừa nói dứt lời, thì mắt kia của Thiện Hữu trở lại sáng tỏ như xưa, không khác. Khi hai mắt Thiện Hữu bình phục thì diện mạo sáng láng, thân hình đầy đủ, đẹp đẽ tuyệt vời, không ai sánh kịp. Công chúa thấy thế, lòng sinh vui mừng, như thấy Hiền thánh, nhìn khắp thân thể mắt không muốn chớp, vội vàng vào cung tâu với phụ vương: –Tâu Phụ vương, chồng con đây chính là Thiện Hữu. Vua nói:

–Con là người si mê, điên cuồng, bị ma quỷ ám ảnh nên mới dám nói thế. Thái tử Thiện Hữu xuống biển tìm châu chưa về, nay con lại nhận kẻ hành khất kia là Thái tử. Công chúa trả lời: –Tâu Phụ vương, con không dám nói dối. Xin phụ vương hãy dời gót ngọc đến xem. Nghe con mình nói chắc như thế, nhà vua cũng muốn ra xem thực hư thế nào. Quả nhiên, khi nhìn thấy, nhà vua nhận ngay ra thái tử Thiện Hữu. Lòng thấy bối rối, nhà vua tự nghĩ: “Nếu vua nước Ba-la-nại được biết chuyện này, sẽ trách ta không ít.” Nghĩ rồi liền xin lỗi thái tử Thiện Hữu, nói: –Quả thật trẫm không biết. Thái tử Thiện Hữu nói: –Xin phụ vương hãy vì con mà ban thưởng cho người chăn bò. Vua Lợi-sư-bạt liền lấy vàng bạc, lương thực và y phục thưởng cho người chăn bò và cho luôn cả năm trăm con bò. Người chăn bò mừng rỡ và khen ngợi khôn xiết. Lại tự nghĩ: “Ân nghĩa của ta đối với thái tử Thiện Hữu không đáng bao nhiêu mà thái tử đền đáp trọng hậu như thế này,

thật ta không xứng đáng!” Nghĩ rồi, đứng giữa công chúng nói to lên: –Ở đời, hễ gây nhân thì nhận quả. Mà quả báo của sự bố thí thật lớn lao không thể nghĩ bàn. Lúc đó không biết bao nhiêu người thấy thế lòng sinh vui mừng, sung sướng và đều phát tâm bố thí để cứu khổ tất cả, cầu chứng đạo quả thành Phật. Bấy giờ trên hư không, các Thiên thần khen ngợi, tán thán đại chúng và nói: –Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đúng như vậy! Lại nói về thái tử Thiện Hữu, khi chưa xuống biển tìm châu báu, lúc ở trong cung có nuôi một con chim nhạn trắng. Khi mặc áo lúc ăn cơm, uống nước kể cả lúc đi đứng nằm ngồi, chim và thái tử không rời nhau. Một hôm Mẫu hậu đến chỗ chim nhạn và nói với chim: –Khi thái tử còn ở nhà, thường thương yêu chăm sóc ngươi, nay thái tử xuống biển chưa về, không biết sống chết thế nào, vậy ngươi có thương nhớ thái tử không? Nghe Mẫu hậu nói, chim nhạn cất tiếng kêu

ai oán, thảm sầu, rồi làm ra hiệu như muốn được đi tìm thái tử. Bấy giờ Mẫu hậu viết thư buộc vào cổ chim nhạn. Nhạn vỗ cánh tung bay, lượn trên không một vòng qua cung điện, rồi nhắm thẳng phía biển bay đi. Mẫu hậu thấy thế, sinh lòng tin tưởng, chắc chắn phen này sẽ được biết tin tức con mình, sống chết ra sao. Chim bay ra biển, tìm khắp đó đây, không thấy thái tử, mới quay trở về đất liền. Khi bay qua nước vua Lợi-sư-bạt, thì xa trông thấy thái tử đang ngồi ở trước cung điện nhà vua, chim liền đáp xuống, đến trước thái tử, líu lo vui mừng. Thái tử cầm lấy phong thư, cung kính mở ra, đọc xong mới biết, phụ vương và mẫu hậu đêm ngày than khóc, nhớ thương thái tử, đến nỗi hai mắt mờ đi. Thái tử liền viết thư thuật lại cho phụ vương và mẫu hậu biết tất cả những sự việc đã xảy ra, rồi lại buộc vào cổ chim nhạn, khiến đem về dâng cho phụ vương và mẫu hậu. Chim nhạn sung sướng băng mình theo gió, không lâu đã về đến nước Ba-la-nại. Phụ vương và mẫu hậu được thư của Thái tử, vui mừng khôn xiết. Xem thư xong, mới biết thái tử bị em là Ác Hữu hãm hại để đoạt lấy

ngọc báu Ma-ni. Trong cơn đau đớn, khổ não, nhà vua liền hạ lệnh bắt thái tử Ác Hữu, gông cùm, giam vào ngục tối, rồi sai sứ sang nói với vua Lợi-sư-bạt: –Sao Bệ hạ cứ giữ Thái tử khiến chúng tôi phải buồn khổ? Vua Lợi-sư-bạt vội vàng cho người sắp đặt xe ngựa, hành trang, rồi cử một đoàn hộ tống, kéo cờ xí, nổi âm nhạc tiễn đưa thái tử và công chúa về nước Ba-la-nại. Được biết tin thái tử trở về, phụ vương và mẫu hậu vô cùng sung sướng, cỡi voi lớn, khởi ca nhạc, đốt trầm hương, treo cờ xí, ra tận ngoài xa đón rước thái tử. Dân chúng trong nước, lớn, bé, già trẻ, nghe tin thái tử trở về bình an, đều vui mừng khôn xiết, cùng ra đón rước. Khi tới nơi, thái tử Thiện Hữu đến trước cha mẹ, cúi đầu đảnh lễ phụ vương và mẫu hậu, vì mắt đã mờ nên cả hai bậc sinh thành không rõ hình dung của thái tử, bèn lấy tay sờ vào người thái tử, hỏi: –Người có phải là con ta, thái tử Thiện Hữu đây không? Cha mẹ thương nhớ con và lo buồn quá mới đến nỗi thế này.

Thái tử Thiện Hữu làm lễ, thăm hỏi cha mẹ xong, mới quay lại cảm tạ các quân thần và muôn dân trong nước, rồi cho họ giải tán. Bấy giờ thái tử Thiện Hữu tâu phụ vương: –Em con là Ác Hữu hiện giờ ở đâu? Vua trả lời với thái tử Thiện Hữu: –Con không nên nhắc đến con người độc ác ấy nữa. Hiện nay nó đang bị giam trong ngục tối, không thể buông tha được. Thái tử Thiện Hữu nói: –Xin phụ vương hãy phóng thích Ác Hữu cho anh em con được gặp nhau. Thiện Hữu xin vua cha ba lần, vua mới bằng lòng cho mở cửa ngục và đưa Ác Hữu tới. Lúc đó Ác Hữu, tay chân bị xiềng xích, cổ phải mang gông, đến gặp Thiện Hữu. Thiện Hữu thấy thế, liền xin cha mẹ cho phép được tháo gông cùm, xiềng xích cho em, rồi ôm lấy Ác Hữu dùng lời thân mật, thương yêu hỏi han: –Em có mệt nhọc lắm không? Em đã mang hộ viên ngọc vô giá về cho anh, hiện giờ để ở đâu? Hỏi như thế đến ba lần, Ác Hữu mới nói: –Chôn ở trong vườn ấy.

Thái tử Thiện Hữu sai người ra vườn đào lấy viên ngọc, rồi đến trước cha mẹ, quỳ xuống, thắp hương và chú nguyện: –Nếu ngọc này nếu thật là ngọc báu Như ý thì hãy làm cho hai mắt cha mẹ ta trở lại sáng tỏ như xưa. Vừa chú nguyện xong, thì mắt của nhà vua và hoàng hậu liền bình phục. Lúc đó cha mẹ được nhìn thấy mặt con, lòng vô cùng sung sướng, xiết bao vui mừng. Sáng sớm hôm sau, nhằm ngày mười lăm, thái tử

Thiện Hữu tắm rửa sạch sẽ, thay y phục mới, lên trên lầu cao, thắp hương lễ bái viên ngọc báu Như ý, phát nguyện: –Ta vì tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, đã phải chịu bao nhiêu cay đắng khổ nhục mới cầu được viên ngọc báu vô giá này. Ta xin nguyện: Tất cả chúng sinh, nhờ ngọc báu Ma-ni này, từ nay không còn phải thiếu thốn, khổ sở nữa, mà đều được đầy đủ yên vui. Bấy giờ, một cơn gió lớn từ phương Đông thổi đến, đánh tan mây mù, bầu trời trở nên quang đãng; tất cả những vật nhơ bẩn, rác rưới hôi thối ở cõi Diêm-phù-đề đều cùng tan biến

theo làn gió cuốn. Rồi nhờ sức vi diệu của viên ngọc báu Ma-ni, một trận mưa trút xuống khắp cõi Diêm-phù-đề. Tất cả các sông ngòi, ao, hồ, hào, rạch, đều tràn ngập thóc gạo và các thứ mỹ vị thơm ngon. Sau lại mưa xuống các thứ y phục thượng hảo và khuyên vàng, vòng xuyến. Sau cùng là mưa xuống vàng bạc, bảy báu và các loại nhạc cụ tinh xảo. Nói tóm lại, mọi thứ chúng sinh cần dùng đều được sung túc. Bồ-tát vì phát tâm đại từ bi, tu hạnh Bố thí ba-la-mật cấp dưỡng cho tất cả chúng sinh, khiến đều được đầy đủ yên vui, là như thế đó. Phật bảo Tôn giả A-nan: –Vua nước Ba-la-nại bấy giờ nay là phụ vương của Ta; mẫu hậu nay là thân mẫu Ta, Mada phu nhân; thái tử Ác Hữu nay là Đề-bà-đạtđa, còn thái tử Thiện Hữu nay chính là Ta, Thích-ca Như Lai. Này Tôn giả A-nan, ở kiếp quá khứ, Đề-bà-đạt-đa thường mang tâm ác hại Ta như thế mà Ta vẫn lấy lòng Từ bi nhẫn nhục, cứu khổ ban ân, huống chi ngày nay Ta đã thành Phật. Khi Phật nói pháp này, có trăm ngàn người chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-

hán. Lại có trăm ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, cho đến vô lượng trăm ngàn chúng sinh đều phát tâm Thanh văn và tâm Bích-chi-phật. Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật: –Bạch Thế Tôn, kinh này nên gọi là gì và chúng con phải phụng trì như thế nào? Phật nói: –Kinh này gọi là Kinh Phật Báo Ân Phương Tiện Cấp Túc Nhất Thiết Chúng Sinh. Đại chúng nghe Phật nói rồi đều vui mừng, làm lễ và lui ra. Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa tuy được theo Phật xuất gia, nhưng lòng ganh ghét sâu nặng, chỉ cầu danh lợi, nên dù có đọc tụng rất nhiều kinh điển, nhưng cũng không thoát được tội khổ trong địa ngục A-tỳ. Đề-bà-đạt-đa kết bạn thân với thái tử A-xà-thế, hai người rất gắn bó và tin cậy nhau. Một hôm, Đề-bà-đạt-đa bảo thái tử A-xà-thế: –Anh hãy lên làm vua đi và tôi sẽ làm Phật. –Việc đó không thể được vì vua cha hãy còn. –Anh phải tìm cách giết vua cha và tôi sẽ toan mưu hại Phật, rồi sau, anh lên làm tân

vương, tôi sẽ làm tân Phật, cùng chung giáo hóa chúng sinh, thế có khoái không? Thái tử A-xà-thế nghe lời xúi giục của Đềbà-đạt-đa mới về giết cha, rồi lên làm vua nước Ba-la-nại. Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa nói với vua A-xà-thế: –Nay tôi muốn hại Phật để lên làm Phật. –Phật có nhiều thần thông, biết trước việc chúng ta đã nghĩ rồi, vậy làm thế nào giết được? Hơn nữa, Phật luôn có các vị đại đệ tử ở bên cạnh như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên và Anậu-lâu-đà... –Đại vương hãy cố giúp tôi. Thái tử A-xà-thế hỏi: –Giúp bằng cách nào? Đề-bà-đạt-đa trả lời: –Đại vương phải ra lệnh cấm, không ai được cúng dường thức ăn, áo mặc cho các Tỳ-kheo. Lúc đó vua A-xà-thế truyền lệnh: –Nếu ai cúng dường thức ăn, áo mặc cho các Tỳ-kheo sẽ bị chặt chân tay. Khi ấy, Phật và các đệ tử đang ở trong núi Kỳ-xà-quật. Sau khi lệnh nhà vua được truyền đi, không ai dám cúng

dường Phật và các vị đệ

tử đi khất thực đều trở về không, cứ như thế cho đến bảy ngày. Thời gian này, Tôn giả Xá-lợiphất và các vị đại đệ tử phải dùng thần thông, đến các phương khác để khất thực. Bấy giờ, Đềbà-đạt-đa nói với vua A-xà-thế: –Nay các vị đại đệ tử đều đi vắng, chỉ có một mình Như Lai ở nhà, đại vương hãy cho người đến thỉnh Phật vào cung cúng dường. Một mặt cho năm trăm con voi đen hung dữ uống rượu thật say, nếu Phật nhận lời mời mà vào thành, lúc đó thả đàn voi say ra cho chúng giày chết. A-xà-thế vương nghe theo kế ấy, liền cho người đến thỉnh Như Lai. Phật nhận lời mời của nhà vua rồi cùng năm trăm vị La-hán tiến vào thành Vương xá. Lúc đó, A-xà-thế sai thả năm trăm con voi say ra, chúng hung hăng xông đột, thôi thì cây gãy, tường xiêu, cất tiếng gầm thét, nhắm thẳng phía Như Lai mà chạy tới. Năm trăm vị La-hán sợ hãi quá bèn bay lên hư không, quyện quanh phía trên Phật, còn Tôn giả A-nan thì bám chặt lấy Như Lai, lo sợ không thế nào thoát được. Như Lai liền vận dụng sức từ bi, giơ tay phải lên, rồi từ năm đầu ngón tay, phóng ra năm con sư tử lớn, há miệng gầm rống, khiến

năm trăm con voi say kia, kinh hoàng, ngã vật ra đất. Bấy giờ đại chúng vây quanh Như Lai, tiến vào cung. Vua A-xà-thế liền ra đón rước, thỉnh Phật an tọa, rồi cầu xin sám hối, bạch Phật: –Bạch Thế Tôn, đó không phải là lỗi tại tôi, mà chính tại Đề-bà-đạt-đa. Phật nói: –Đại vương, Ta cũng biết thế, không những ở kiếp này Đề-bà-đạt-đa muốn hại Như Lai mà từ nhiều đời quá khứ cũng thường mang tâm ác hủy hại Như Lai như vậy, nhưng nhờ sức từ bi, Như Lai đều được an toàn. Vua A-xà-thế chắp tay bạch Phật: –Bạch Thế Tôn, trong kiếp quá khứ, Đề-bàđạt-đa hủy hại Như Lai, việc đó như thế nào? Phật bảo A-xà-thế: –Hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì Đại vương mà nói rõ việc ấy. Cách đây không biết bao nhiêu kiếp, có một ông vua chỉ thích ăn thịt chim nhạn. Nhà vua sai một người chuyên đi thả lưới bắt chim. Lúc ấy, một đàn năm trăm chim nhạn từ phương Bắc bay qua phía Nam, con đầu đàn rủi ro sa lưới. Người đánh bẫy vui mừng, từ

trong khóm lá chạy ra vồ lấy chim. Khi đó, một con nhạn khác, kêu than thảm thiết, quanh quẩn không bay đi. Người đánh bẫy liền giương cung bắn, không những không sợ cung tên, mà con nhạn ấy còn đáp xuống rồi lăn vào con nhạn đầu đàn. Còn bầy nhạn trên không cũng bồi hồi lui tới, nhất định không bay đi. Người đánh bẫy thấy con nhạn kêu than thảm thiết, miệng trào ra máu, mới tự nghĩ: “Loài chim muông mà còn biết thương mến nhau, đến nỗi không tiếc thân mạng như thế này, sao ta lại có thể nhẫn tâm giết hại chúng được?”. Nghĩ như thế rồi, liền mở lưới thả chim nhạn ra. Sau khi được thả, hai con nhạn cất tiếng kêu vui mừng, vỗ cánh bay lên, rồi cùng với bầy nhạn trên không, quấn quít lấy nhau mà bay đi. Người đánh bẫy trở về tâu vua: –Tâu Bệ hạ, hôm nay thần bẫy được một con nhạn đầu đàn, lẽ phải đem về dâng Bệ hạ, nhưng một con nhạn khác, kêu than thảm thiết đến trào máu miệng, không sợ cung tên, bồi hồi không đi. Thần thấy cảnh ấy, mủi lòng, thương xót, liền thả chúng ra. Khi được thả ra, nhạn liền ca hót vui mừng, rồi cùng bầy nhạn, quấn quyện với

nhau mà bay đi. Nghe xong, nhà vua tỏ vẻ buồn thảm, tự nghĩ: “Loài chim thú mà còn biết thương yêu, che chở nhau như thế.” Nghĩ rồi, liền phát Từ tâm và từ đó nhà vua

không hề ăn thịt nhạn và không sai bắt chim nữa. Đại vương nên biết, vị vua lúc đó, nay chính là Đại vương vậy; người bẫy chim bấy giờ, nay là Đề-bà-đạt-đa; con nhạn kêu thương thảm thiết đến trào máu miệng, nay là A-nan; bầy nhạn trên không nay là năm trăm vị La-hán, còn con nhạn đầu đàn lúc ấy chính là thân Như Lai. Hôm nay đây, A-nan thấy lòng thương xót, lưu luyến Như Lai cũng như xưa không khác, còn năm trăm vị La-hán thì bay lên hư không cũng như bầy nhạn xưa. Đề-bà-đạt-đa lúc nào cũng muốn làm hại Như Lai, nhưng nhờ sức từ bi, Như Lai thường được an ổn. Khi Phật nói pháp ấy, thì trăm ngàn người chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, hoặc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến phát tâm Thanh văn và tâm Bíchchi-phật.

Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa tâm ác không dứt, chỉ muốn tìm cách hại Phật, mới tự nghĩ: "Nay ta phải nuôi móng tay cho dài, khiến cho thật sắc, lấy thuốc độc nhét vào trong, rồi đến chỗ Như Lai, giả vờ vào lễ chân Phật, lúc đó dùng mười móng tay cào cấu nơi chân Phật, cho thuốc độc ngấm vào thì chắc Phật phải chết." Nghĩ xong, Đề-bà-đạt-đa nhất định làm theo kế ấy. Ít lâu sau, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Như Lai, vào lễ chân Phật, rồi cào cấu thật mạnh, nhưng thuốc độc biến thành cam lộ, nên thân Như Lai không hề đau đớn. Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa vẫn chưa toại nguyện, rồi lại tự nghĩ: "Hôm nay Như Lai đang ngồi dưới chân núi Kỳ-xà-quật, ta hãy lên đỉnh núi, lấy một tảng đá lăn xuống để giết Phật." Nghĩ xong liền lên đỉnh núi, lăn đá xuống làm cho ngón chân Như Lai bị thương, nhưng Như Lai luôn lấy lòng Từ bi, coi kẻ oán, người thân đều bình đẳng. Lại nữa, ở đời quá khứ xa xưa, cách đây không biết bao nhiêu kiếp, bấy giờ có một vị Phật ra đời, hiệu là Ứng Hiện, là Bậc Như Lai,

Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Sau khi Đức Phật ấy nhập diệt, trong đời tượng pháp, có một vị Tỳ-kheo, ngồi thiền định một mình trong rừng. Tỳ-kheo thường có con rận, sợ nó xúc não trong khi ngồi thiền, mới giao ước với rận: –Lúc ta ngồi thiền, ngươi phải lặng lẽ, nằm yên một chỗ, không được xúc não. Con rận tuân theo. Một lúc sau có con vắt đến bên, hỏi con rận: –Sao mà thân thể chú béo tốt thế kia? Rận đáp: –Tôi sống nhờ ông chủ đây, ông thường tu thiền định và bảo tôi ăn uống có giờ giấc, tôi làm theo nên thân thể mới được béo tốt, đẹp đẽ như thế này. –Tôi cũng muốn làm theo chú, có được không? –Tùy ý bác. Thế là con vắt bám chặt lấy vị Tỳ-kheo đang ngồi thiền mà hút máu. Lúc đó vị Tỳ-kheo thấy lòng phiền não, liền cởi áo ra và đốt ngay đi.

Phật nói: –Vị Tỳ-kheo tọa thiền lúc đó, nay là Phật Ca-diếp. Con vắt là Đề-bà-đạt-đa, còn con rận là thân Ta. Xưa kia, vì lợi dưỡng mà Đề-bà-đạt-đa muốn làm hại Ta, cho đến ngày nay Ta đã thành Phật, cũng vì ham danh lợi mà Đề-bà-đạt-đa làm cho thân Phật chảy máu, nên mặc dầu đang còn sống mà phải bị đọa vào địa ngục. Đề-bà-đạt-đa thường mang lòng thâm độc, hủy hại Như Lai, nếu nói cho đầy đủ việc đó thì cùng kiếp cũng không hết được. Thế mà lúc nào Ta cũng đem lòng Từ bi, thương xót Đề-bà-đạt-đa, vì chính Ta thường gặp Đề-bà-đạt-đa nên mới chóng chứng đạo quả Bồ-đề. Do nhớ ân sâu dày ấy nên Ta thường đem lòng yêu mến xót thương và tha thứ. Bấy giờ Đức Như

Lai liền sai Tôn giả A-nan đi đến Địa ngục, để thăm hỏi Đề-bà-đạt-đa xem chịu khổ thế nào. A-nan phụng mệnh ra đi. Khi đến ngoài cửa địa ngục, A-nan nói với viên cai ngục là ngưu đầu A-bàng: –Xin gọi hộ tôi Đề-bà-đạt-đa. –Tôn giả muốn hỏi Đề-bà-đạt-đa nào? Chư

Phật ở quá khứ đều có Đề-bà-đạt-đa. –Tôi muốn gọi Đề-bà-đạt-đa của Phật Thíchca Mâu-ni. Bấy giờ A-bàng vào báo cho Đề-bà-đạt-đa biết là có A-nan đứng ngoài, hiện muốn được gặp. Đề-bà-đạt-đa liền ra và nói với A-nan: –Mời A-nan hãy vào. Như Lai vẫn còn thương nhớ đến tôi ư? –Như Lai cho tôi đến hỏi thăm ông có thể chịu được những nỗi thống khổ ở đây không? –Tôi ở trong địa ngục A-tỳ này, cũng như một vị Tỳ-kheo đã thể nhập được cái thú vui ở cõi trời Tam thiền. Phật nói: –Các bậc Đại Bồ-tát, tu các phép phương tiện dẫn để tiếp dắt chúng sinh, thì dù có phải chịu sinh tử và các nỗi thống khổ cũng không lấy thế làm lo. Nếu ai bảo Đề-bà-đạt-đa thực là kẻ ác nhân, phải đọa địa ngục A-tỳ, thì người đó không hiểu. Bấy giờ, Đức Như Lai liền vì đại chúng mà nói rõ mật hạnh vi diệu và các pháp đại phương tiện của Đề-bà-đạt-đa. Khi ấy vô lượng trăm ngàn Bồ-tát chứng Pháp nhẫn vô sinh, vô lượng

trăm ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và vô lượng trăm ngàn người chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.Từ trên hư không, Thiên thần mưa các thứ hoa, rải khắp đại chúng, trỗi kỹ nhạc trời, phóng ánh sáng lớn, rồi ca ngợi: –Quý hóa thay, Đức Như Lai nói pháp chưa từng có! Khi ấy tất cả đại chúng nghe Phật nói pháp xong, vô cùng vui mừng, cúi đầu làm lễ lui ra.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.